

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-PT
Ngày 10 – 01 – 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn, Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Ông Mộc L1, sinh năm 1949;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Ông Mộc L1: Bà Ông Mộc M2, sinh năm 1971 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà Lê Thị T1: Ông Ngô Đình Ch, sinh năm 1958; khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh C.(Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T1: Ông Lê Anh Tuấn, là Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ông Mộc A, sinh năm 1968;

2. Bà Ông Mộc M2, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

3. Ông Ông Mộc T2, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khóm 3, phường 5, thành phố C, tỉnh.

4. Bà Ông Mộc H1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

5. Bà Ông Mộc H2, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số 400/38, Tùng Thiện Vương, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Võ Thị L4, sinh năm 1930;

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Võ Thị L4, bà Ông Mộc A, ông Ông Mộc T2, bà Ông Mộc H1, bà Ông Mộc H2: Bà Ông Mộc L1 (là nguyên đơn – Vắng mặt).

7. Bà Ong Ngọc L2, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C .

8. Bà Ong Ngọc L3, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường P, phường 7, thành phố, tỉnh C

9. Ông Ong Ngọc Q, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường B, phường 5, thành phố C, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Ong Ngọc Q: Ong Ngọc C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C . (Vắng mặt).

10. Bà Ong Ngọc C, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

11. Bà Ong Ngọc M1, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

12. Bà Nguyễn Kim T3, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

13. Bà Phạm Ngọc B, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo: Bà Lê Thị T1, là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Ông Mộc L1 trình bày:*

Trước đây cha mẹ bà là ông Ông Tư Hiền và bà Võ Thị L4 có tạo lập được phần đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng năm 1978 – 1979 cha mẹ bà có cho con là ông Ông Mộc Thanh (chồng bà T1 – đã chết) diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 16.580m² (cấp ngày 03/8/1990); phần còn lại cha bà được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất diện tích 39.850m² (cấp ngày 03/8/1990). Năm 2007 ông Hiền chết, bà L4 cùng gia đình họp (ngày 18/11/2019) giao quyền sử dụng đất còn lại của ông Hiền, bà L4 cho bà L1 làm chủ sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng bà phát hiện bà T1 lấn chiếm sang phần đất bà được giao nêu trên có kích thước ngang khoảng 4m, dài từ lộ xe tiếp giáp kênh xáng đến kênh Xóm Rẫy, diện tích theo đo đạc thực tế 1.303,1m² (phần đất lấn chiếm là phần bờ ranh giáp giữa hai phần đất). Do đó, bà L1 khởi kiện yêu cầu bà T1 cùng các con của ông Thanh và bà T1 trả phần đất lấn chiếm diện tích 1.303,1m².

- Theo bà Lê Thị T1 trình bày:

Khoảng năm 1979, vợ chồng bà và ông Ông Mộc Thanh được ông Ông Tư Hiền và bà Võ Thị L4 cho một phần đất; vợ chồng bà quản lý sử dụng đất, đến năm 1990 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 16.580m² do ông Ông Mộc Thanh đứng tên. Phần đất bà L1 tranh chấp nằm trong phần đất vợ chồng bà được cho, là đất bờ giáp giữa hai phần đất. Năm 2000, khi Nhà nước chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản, vợ chồng bà đưa xáng đào mức nâng bờ, giữ nước nuôi tôm. Trên phần đất này vợ chồng bà có trồng dừa, trồng cây sao từ năm 2000 cho đến nay. Bà T1 xác định không có lấn chiếm đất, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà L1.

- Bà Ong Ngọc M1, Ong Ngọc Q, bà Ong Ngọc L2, bà Ong Ngọc L3, bà Ong Ngọc C trình bày:

Thông nhất với trình bày của bà T1, không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà L1.

- Bà Trần Ngọc B trình bày:

Ngày 22/4/2019, bà có nhận chuyển nhượng của bà Ông Mộc L1 một phần đất có kích thước chiều ngang khoảng 7m, dài khoảng 200m tính từ sau hậu nhà đến kinh thủy lợi, đất tọa lạc tại khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C .. Thời điểm ký hợp đồng chưa xảy ra tranh chấp đất giữa bà T1 với bà L1, khi tiến hành đo đạc xác định ranh giới thì xảy ra tranh chấp nên giao dịch bị dừng lại cho đến nay. Bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ việc để bà hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà L1.

- Theo bà Nguyễn Kim T3 trình bày:

Ngày 20/8/2000, chồng bà là ông Dương Minh Xuân có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đình một phần đất diện tích 10.450m². Phần đất này có nguồn gốc là đất của ông Ông Mộc Trình trước đó chuyển nhượng cho ông Đình. Việc chuyển nhượng hai bên đã trực tiếp tiến hành đo đạc kích thước chiều ngang, chiều dài, cắm mốc cụ thể, có lập biên bản bà giao được nhiều người chứng kiến. Hiện tại, ranh giới vị trí đất ổn định, không tranh chấp, do ông Xuân đã chết nên gia đình đã tiến hành làm thủ tục chuyển cho bà đứng tên đăng ký quyền sử dụng. Bà không có yêu cầu xem xét vụ việc liên quan tại vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Mộc L1. Công nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần của các thửa 157, 159, 160, 163, 164 có vị trí, kích thước: Hướng bắc giáp lộ xi măng (kênh xáng lộ xe thị trấn Trần Văn Thời – Tắc Thũ) dài 3,92m; Hướng nam giáp lộ xi măng (kênh xóm rẫy) dài 0,57m; Hướng đông giáp các thửa đất 156, 161, 162, 165 dài 416,94m; Hướng tây giáp với phần còn lại của các thửa 157, 159, 160, 163, 164 dài 416,72m. Diện tích 1.303,1m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn, huyện T, tỉnh C. thuộc quyền sử dụng của bà Ông Mộc L1, phần đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời ký cấp quyền sử dụng cho ông Ông Tư Hiền ngày 03/8/1990 và đã chuyển qua cho bà Ông Mộc L1 đứng tên chủ sử dụng ngày 06/12/2019. Bà Lê Thị T1 phải tôn trọng quyền sử dụng phần đất trên của bà Ông Mộc L1, chấm dứt hành vi cản trở bà L1 khai thác, quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2021, bà Lê Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ông Mộc L1.

Ngày 06/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có Quyết định kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Mộc L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà T1; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Tuấn phát biểu: Phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 16.580m² mà ông Thanh và bà T1 được ông Hiền và bà L4 cho, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/1990 do ông Ông Mộc Thanh đứng tên. Phần đất tranh chấp theo đo đạc 1.303,1m² là một phần bờ ranh giáp giữa hai phần đất là đất ông Thanh và đất ông Hiền. Từ năm 2000 chuyển sang nuôi tôm phần đất mỗi bên đều có con mương đào lên thành bờ chung giữa hai con mương. Năm 1990, ông Hiền và ông Thanh cùng đi làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và cùng được cấp ngày 03/8/1990, cấp cho ông Thanh diện tích 16.580m², cấp cho ông Hiền diện tích 39.850m², ông Hiền cũng không có ý kiến gì. Nếu cộng diện tích đất bà T1 đang sử dụng không tranh chấp với phần diện tích tranh chấp thì vẫn thiếu so với diện tích được cấp quyền sử dụng. Hồ sơ không có chứng cứ nào thể hiện ông Hiền cho đất ông Thanh và bà T1 ngang 36m; khi cho đất ông Thanh và bà T1, ông Hiền có ra đo đất và cắm ranh. Quá trình sử dụng, ông Thanh trồng dừa, năm 2000 đào đất đắp lên để giữ nước nuôi tôm và năm 2014 ông Thanh chết chôn có một phần mộ, nhà mồ nằm trên phần đất này cũng không ai có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp. Các cây dừa, cây me, cây sao trồng trên phần đất này là do ông Thanh trồng; nguyên đơn cho rằng trồng xài chung là không đúng, vì ông Thanh đã có gia đình cất nhà ở riêng là của riêng gia đình ông Thanh. Từ những căn cứ trên, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T1, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Chiến phát biểu: Thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, nhưng bổ sung thêm: Phần đất của ông Trình chuyển nhượng cho ông Xuân và bà T3 giáp ranh với đất ông Thanh, thì không thể nào còn khoảng trống ở giữa là đất của bà L1.

Bà M2 phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Q, chị L3. Chị L2, bà B không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T1, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị T1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Phần đất bà T1 đang sử dụng có nguồn gốc được ông Ông Tư Hiền và bà Võ Thị L4 (là cha mẹ của ông Ông Mộc Thanh) cho bà T1 và ông Ông Mộc Thanh (chồng bà T1) vào khoảng năm 1978 – 1979. Bà T1 và ông Thanh quản lý sử dụng đất, đến ngày 03/8/1990 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 16.580m² (gồm các thửa 156, 161, 162, 165), tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời cho ông Ông Mộc Thanh đứng tên. Phần đất ông Tư Hiền và bà L4 còn lại sau khi cho bà T1 và ông Thanh cũng được cấp quyền sử dụng đất ngày 03/8/1990 diện tích 39.850m² cho ông Ông Tư Hiền đứng tên.

[2] Theo bản trích đo hiện trạng ngày 16/12/2020 thể hiện: Diện tích đất bà T1 đang sử dụng không tranh chấp (thửa 2, 5) là 14.690m²; diện tích tranh chấp giữa bà L1 với bà T1 (thửa 1, 1a, 40) là 1.303,1m²; diện tích tranh chấp giữa bà T1 với bà Nguyễn Thị Lợi (thửa 3, 6) là 841,1m². Nếu cộng diện tích đất bà T1 đang sử dụng không tranh chấp 14.690m² với phần tranh chấp với bà L1 1.303,1m² bằng 15.993,1m² thì thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp 16.580m² là 586,9m²; nếu cộng thêm cả diện tích đất tranh chấp với bà Lợi 841,1m² bằng 16.834,2m², chỉ vượt hơn diện tích được cấp quyền sử dụng là 254,2m².

[3] Về hiện trạng phần đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp là một phần bờ ranh giáp giữa phần đất của ông Thanh và bà T1 được cho với phần đất còn lại của ông Tư Hiền và bà L4 trước đây. Trên phần đất tranh chấp còn các cây dừa (04 cây) do ông Thanh trồng từ khoảng năm 1980 đến nay, có một phần nhà mồ của ông Thanh (chồng bà T1); đồng thời, tại vị trí ranh đất theo bà T1 xác định gần điểm M₁ vẫn còn 01 trụ đá được cắm để làm ranh đất từ trước đến nay.

[4] Xét về quá trình quản lý sử dụng đất của ông Thanh và bà T1: Từ khi được cho đất, ông Thanh và bà T1 đã trồng dừa hai bên phần ranh đất được cho;

đến năm 1990 ông Thanh đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân huyện Trần Văn Thời cấp quyền sử dụng đất ngày 03/8/1990, diện tích 16.580m² cùng với thời điểm ông Ông Tư Hiền được cấp quyền sử dụng đất (ông Ông Tư Hiền được cấp quyền sử dụng đất ngày 03/8/1990, diện tích 39.850m²). Năm 2000, chuyển đổi cơ cấu sang nuôi trồng thủy sản gia đình bà T1 đã đưa xáng vào mức đất đắp lên phần bờ giáp ranh với phần đất ông Hiền (phần hiện nay tranh chấp) để giữ nước để nuôi tôm. Từ khi cho đất ông Thanh và bà T1 (1978 – 1979) đến khi ông Tư Hiền chết (năm 2007), ông Tư Hiền, bà L4 và các con trong đó có bà L1 cũng không có ý kiến gì về việc quản lý sử dụng cũng như đầu tư cải tạo, trồng cây (dừa) của ông Thanh và bà T1 trên phần đất được cho, cũng không cho rằng ông Thanh và bà T1 lấn chiếm đất.

[5] Sau khi ông Tư Hiền chết, bà L4 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất ông Tư Hiền đứng tên quyền sử dụng. Năm 2014, ông Thanh chết, bà T1 và các con làm mộ, nhà mồ cho ông Thanh có một phần nằm trên phần đất hiện nay tranh chấp, nhưng bà L4 và các con cũng không có ý kiến gì. Đến ngày 07/9/2019, bà L4 cùng các con trong đó có bà L1 họp gia đình thống nhất để bà L4 đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất ông Tư Hiền đứng tên quyền sử dụng. Tiếp đến, ngày 18/11/2019, bà L4 cùng các con họp gia đình thống nhất để bà L1 thừa kế phần đất ông Tư Hiền đứng tên quyền sử dụng đất để lại. Qua hai lần họp gia đình, bà L4 và các con trong đó có bà L1 cũng không ai đặt ra bà T1 lấn chiếm đất. Ông Thanh, bà T1 quản lý sử dụng đất ổn định từ khi được cho đến ngày 18/11/2019 (thời gian khoảng 40 năm) ông Tư Hiền và bà L4 cùng các con không ai có ý kiến gì và cũng không tranh chấp. Như vậy, chứng minh ông Tư Hiền, bà L4 cùng các con trong đó có bà L1 đã mặc nhiên thừa nhận phần đất ông Thanh và bà T1 quản lý sử dụng ông Tư Hiền và bà L4 đã cho ông Thanh và bà T1.

[6] Sau khi bà L1 được giao thừa kế đối với phần đất ông Tư Hiền đứng tên quyền sử dụng đất để lại, phía bà T1 vẫn quản lý sử dụng phần đất được cho đúng theo vị trí, ranh giới đã quản lý sử dụng từ trước đến nay. Theo biên bản họp gia đình để chia đất ngày 14/3/2014, chia cho ông Thanh và bà T1 ngang 36m, dài giáp Sông Ông Đốc là chia phần đất dưới lộ giao thông (phần đất lá) nằm trong phần đất ông Tư Hiền để lại, không liên quan đến phần đất ông Thanh và bà T1 được cho trước đây đã được cấp quyền sử dụng đất diện tích 16.580m² cho ông Thanh đứng tên, cũng không cùng một thửa với phần đất tranh chấp. Với các chứng cứ nêu trên không có căn cứ để cho rằng bà T1 lấn chiếm đất của bà L1; án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà L1 là không phù hợp, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1.

[7] Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có sai sót như: Theo đơn khởi kiện của bà L1 ngày 20/7/2020 yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: “Đề nghị bà Lê Thị T1 phải xác định ranh giới đất đúng theo diện tích thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 đã được cấp”; quá trình giải quyết vụ án bà L1 có yêu cầu bà T1 trả lại diện tích đất theo đo đạc 1.303,1m²; nhưng cấp sơ thẩm tuyên công nhận phần đất tranh chấp diện tích 1.303,1m² thuộc quyền sử dụng của bà L1, buộc bà T1 chấm dứt hành vi cản trở bà L1 khai thác, quản lý, sử dụng là không chính xác.

[8] Từ phân tích trên, xét kháng cáo của bà T1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Thu, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Mộc L1 là có căn cứ.

[9] Chi phí đo đạc: Bà L1 phải chịu số tiền 41.122.000 đồng; bà T1 không phải chịu.

[10] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L1 được miễn chịu án phí (do bà L1 là người cáo tuổi đã được miễn dự nộp); bà T1 không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm bà T1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T1.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:126/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Mộc L1 về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 và những người thừa kế của ông Ông Mộc Thanh trả cho bà L1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.303,1m² thuộc một phần của các thửa 157, 159, 160, 163, 164 toạ lạc tại khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C .. Vị trí, kích thước:

+ Hướng bắc giáp lộ xi măng (kênh xáng lộ xe thị trấn Trần Văn Thời – Tắc Thủ) dài 3,92m

+ Hướng nam giáp lộ xi măng (kênh xóm rẫy) dài 0,57m

+ Hướng đông giáp các thửa đất 156, 161, 162, 165 dài 416,94m

+ Hướng tây giáp với phần còn lại của các thửa 157, 159, 160, 163, 164 dài 416,72m.

(Kèm theo bản Trích đo hiện trạng đất tranh chấp do Công ty TNHH MTV Dân Phong lập ngày 16/12/2020).

Chi phí đo đạc bà Ông Mộc L1 phải chịu 41.122.000 đồng, bà L1 đã nộp xong; bà Lê Thị T1 không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ông Mộc L1 được miễn chịu án phí (bà L1 được miễn dự nộp); bà Lê Thị T1 không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị T1 không phải chịu. Ngày 05/7/2021 bà T1 dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005126 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập